

Số: 106/2026/VBHN-TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

¹ Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
*“Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải*

Thông tư số 07/2018/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra tàu biển.*

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải đối với tàu thuyền sau: tàu biển, tàu công vụ, giàn di động, tàu ngầm, tàu lặn, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ và tàu cá hoạt động trong vùng nước cảng biển, vùng biển Việt Nam và hoạt động tuyến quốc tế (sau đây gọi tắt là tàu thuyền).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến việc trình và xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển, vùng biển Việt Nam và hoạt động tuyến quốc tế.

Điều 3. Những nội dung chính của kháng nghị hàng hải

Kháng nghị hàng hải gồm một số nội dung chính sau:

1. Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của thuyền trưởng.
2. Thông tin về tàu thuyền gồm: tên tàu thuyền, cảng (nơi) đăng ký, số đăng ký, cảng đến (cảng rời, cảng trung chuyển), tổng dung tích, quốc tịch, số IMO (nếu có).
3. Số lượng, chủng loại, đặc điểm đóng gói (rời/đóng bao) của hàng hóa trên tàu thuyền (nếu có).
4. Thời gian, vị trí xảy ra tai nạn, sự cố.
5. Điều kiện thời tiết khi xảy ra tai nạn, sự cố.
6. Mô tả diễn biến về tai nạn, sự cố.
7. Những tổn thất do tai nạn hoặc nghi ngờ có tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra (nếu có).
8. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh tai nạn, sự cố và hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra (nếu có).
9. Những thông tin khác có liên quan đến tai nạn, sự cố (nếu có).
10. Danh sách liệt kê các tài liệu kèm theo như quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC NHẬN VIỆC TRÌNH KHÁNG NGHỊ HÀNG HẢI

Điều 4. Cơ quan xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tại Việt Nam là Cảng vụ hàng hải hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải ở nước ngoài là cơ quan đại diện của Việt Nam nơi gần nhất hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của quốc gia nơi tàu thuyền hoạt động.

Điều 5. Hồ sơ xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

1. Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển, tàu công vụ, giàn di động, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB:

a) Kháng nghị hàng hải (02 bản);

b) Bản trích sao các loại Nhật ký của tàu thuyền có liên quan đến vụ việc (01 bản);

c) Bản trích sao hải đồ liên quan đến vụ việc (trừ trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra khi tàu thuyền đang neo đậu tại cảng biển) (01 bản).

2. Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB), tàu cá:

a) Kháng nghị hàng hải (02 bản);

b) Bản trích sao các loại Nhật ký của tàu thuyền có liên quan đến vụ việc (01 bản, nếu có);

c) Bản sao Tờ họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (01 bản, nếu có).

3. Các giấy tờ phải xuất trình:

Đối với tàu biển, tàu công vụ, giàn di động, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB: các loại Nhật ký liên quan đến vụ việc (bản chính).

4. Các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có); đối với bản kháng nghị hàng hải, ngoài chữ ký của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu thuyền (nếu có con dấu) còn phải có chữ ký của máy trưởng, một sĩ quan hoặc một thủy thủ với tư cách là những người làm chứng.

5. Ngoài số lượng bản kháng nghị hàng hải được quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này, thuyền trưởng có thể yêu cầu xác nhận thêm các bản khác có cùng nội dung, nếu thấy cần thiết.

Điều 6. Trình tự thực hiện và xử lý hồ sơ xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

1. Thuyền trưởng lập hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này gửi trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải quy định tại khoản 1 Điều 4 và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, chậm nhất 30 phút, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thuyền trưởng hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3². Trong thời hạn không quá 01 giờ đối với Cảng vụ hàng hải, hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải được Giám đốc Cảng vụ hàng hải ủy quyền theo quy định của pháp luật và 03 giờ đối với các cơ quan có thẩm quyền khác, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

4. Cơ quan xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tiến hành lưu hồ sơ gồm 01 bản các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Thông tư này và gửi trả cho thuyền trưởng các bản kháng nghị hàng hải còn lại đã được xác nhận.

Điều 7. Nội dung xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

1. Ngày, giờ nhận trình kháng nghị hàng hải.
2. Xác nhận việc đã nhận trình kháng nghị hàng hải.
3. Họ, tên, chức danh và chữ ký của người xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.
4. Đóng dấu của cơ quan xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

Điều 8. Phí xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải

Cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải được thu phí xác nhận việc trình, kháng nghị hàng hải theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH³

² Khoản này được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 20 của Thông tư 07/2018/TT-BGTVT có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2018.

³ Điều 9 của Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 quy định như sau:

“Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 41/2005/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tại Việt Nam./”

Điều 20 Thông tư số 07/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 02 năm 2018 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2018.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 41/2005/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải tại Việt Nam.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận: 

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, CHHĐTVN.



Nguyễn Xuân Sang

2. Thay cụm từ "Đại diện Cảng vụ hàng hải" bằng cụm từ "hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải được Giám đốc Cảng vụ hàng hải ủy quyền theo quy định của pháp luật" tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải./."